

Bản án số: 1148/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 15/12/2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Nhung

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2017/TLPT-HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1821/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2519/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 01/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6541/2017/QĐ-PT ngày 30/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Hữu T, sinh năm 1972

Hộ khẩu thường trú: 280/92 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường N, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Đường H, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Công H – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Công H và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Trong đơn xin ly hôn ngày 29/9/2016 và các bản tự khai nguyên đơn ông Dương Hữu T trình bày:

Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2001 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng liên tục gây gổ, ngày 16/8/2016 bà H đã cầm dao gây thương tích cho ông dẫn đến ông phải nằm viện điều trị một thời gian. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên nên đã sống ly thân gần 01 năm nay, ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Xuân H.

- Về con chung: Ông, bà có ba con chung tên Dương Trần Quỳnh H, sinh ngày 05/9/1998: Hiện đã trưởng thành, nên hằng tháng ông T tình nguyện trợ cấp cho cháu 35.000.000 đồng/tháng để cháu có điều kiện ăn học. Đối với con Dương Trần Mỹ L, sinh ngày 16/12/2003 và Dương Trần Hữu P, sinh ngày 11/10/2007 hiện các cháu đang ở với bà H, để ổn định cuộc sống của các con nên ông đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng/2 con.

Về tài sản chung: Ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông T xác định không có

Bị đơn bà Trần Thị Xuân H trình bày:

Bà xác nhận quá trình chung sống và đăng ký kết hôn đúng như ông T trình bày, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng khắc khẩu và do ông T có con với người đàn bà khác. Bà xác nhận, vào ngày 16/8/2016 bà có dùng dao gây thương tích cho ông T nhưng do ông T dùng tay đánh bà trước, trong lúc hoảng loạn bà chỉ muốn dùng dao để phòng vệ chứ không muốn cố ý gây thương tích cho ông T, sau đó bản thân bà đã nhận thấy không đúng nên đã đến bệnh viện chăm sóc ông. Nay ông T đơn phương yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà không đồng ý vì bản thân bà vẫn còn tình cảm với chồng và hiện nay con gái Dương Trần Mỹ L của ông bà khi nghe tin ông T làm thủ tục ly hôn với bà đã bị bệnh trầm cảm, đang phải điều trị một thời gian theo yêu cầu của bác sỹ và bà không muốn việc ly hôn của ba mẹ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con.

- Về con chung: có 03 con chung Dương Trần Quỳnh H, sinh ngày 05/9/1998; Dương Trần Mỹ L, sinh ngày 16/12/2003 và Dương Trần Hữu P, sinh ngày 11/10/2007, bà cho rằng, từ khi sinh ra đến nay đều sống với ba mẹ, đều do bà trực tiếp nuôi dạy. Do bà không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề về con cái. Tuy nhiên, đối với bà các con là tất cả, các con luôn ở cạnh bà và do bà trực tiếp nuôi dạy. Nếu phải ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con Dương Trần Mỹ L và Dương Trần Hữu P ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 30.000.000/tháng/02 con.

- Về tài sản chung: Do bà không đồng ý ly hôn nên bà không đặt ra vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết cho ông T ly

hôn bà yêu cầu xác minh làm rõ các tài sản chung, để tránh trường hợp ông T cố tình tẩu tán.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1821/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hữu T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Hữu T được ly hôn bà Trần Thị Xuân H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2001 quyển số 01/2001 ngày 09/7/2001 của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Dương Trần Mỹ L (sinh ngày 16/12/2003) và Dương Trần Hữu P (sinh ngày 11/10/2003) cho bà H nuôi dưỡng.

Ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 20.000.000 đồng/2 con. Bắt đầu thi hành từ 15 tháng 8 năm 2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Dương Hữu T về việc trợ cấp cho con Dương Trần Quỳnh H số tiền 35.000.000 đồng để con có điều kiện ăn học.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu ông T chưa thi hành số tiền nêu trên cho đến khi xong tất cả các khoản nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông, bà cùng xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/8/2017, bà Trần Thị Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1821/2017/HNGĐ-ST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Bà không đồng ý ly hôn với ông Dương Hữu T vì bà và ông T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn có 03 con chung, dù cuộc sống chung có mâu thuẫn nhưng vì tương lai của con nên bà muốn đoàn tụ với chồng cùng nuôi dạy con cái.

Trường hợp nếu vợ chồng phải ly hôn thì mức cấp dưỡng 20.000.000 đồng/tháng/02 con bà không đồng ý, bà cho rằng mức cấp dưỡng đó chưa phù hợp với giá cả thị trường hiện nay nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cấp dưỡng nuôi mỗi người con một tháng 15.000.000đ x 2 người con = 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cho đến khi hai trẻ lần lượt trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Dương Hữu T trình bày: Không rút đơn khởi kiện, không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị Xuân H trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung. Tuy nhiên bà yêu cầu ghi vào bản án về phần lỗi của ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con bà yêu cầu chi phí cấp dưỡng ông T phải xác định rõ trong 20.000.000/tháng/02 con mà tại cấp sơ thẩm đã tuyên là tiền gì có bao gồm tiền học của con hay không, nếu ông T chịu chi phí đóng tiền học cho hai đứa con Dương Trần Mỹ L là 12.000.000đ/tháng và Dương Trần Hữu P là 6.000.000đ/tháng thì bà yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền sinh hoạt hàng tháng cho hai con là 15.000.000/tháng (7.500.000đồng cho một người con). Nếu ông T không đồng ý thì bà yêu cầu ông cấp dưỡng 30.000.000/tháng/2 con, bà sẽ tự chi trả tiền sinh hoạt và đóng tiền học phí hàng tháng cho hai con. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của ông T : Đồng ý đóng tiền học cho con Dương Trần Mỹ L là 12.000.000đ/tháng và Dương Trần Hữu P là 6.000.000đ/tháng và cấp dưỡng tiền sinh hoạt hàng tháng cho hai con là 15.000.000/tháng (7.500.000đồng cho một người con). Riêng con Dương Trần Quỳnh H, sinh năm 1998 đã trưởng thành ông sẽ tự thực hiện gửi tiền cho con, không yêu cầu ghi nhận vào bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về hình thức : Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng và kéo dài, ông T không còn tình cảm với bà H. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà H kháng cáo. Tại cấp phúc thẩm bà H đồng ý ly hôn với ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con ông T và bà H đồng ý thỏa thuận hàng tháng ông T cấp dưỡng 15.000.000/tháng/02 con tiền sinh hoạt, còn tiền học ông T sẽ tự trực tiếp đóng cho các con cụ thể cháu Dương Trần Mỹ L 12.000.000/1 tháng, cháu Dương Trần Hữu P 6.000.000/1 tháng.

Nhận thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Xuân H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271 ; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về áp dụng pháp luật về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Xuân H nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/7/2001 cho ông Dương Hữu T và bà Trần Thị Xuân H thì hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông duy trì hôn nhân hạnh phúc bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo lời khai ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, xô xát. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã phát sinh từ nhiều năm cho đến nay không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, nên ông T gửi đơn yêu cầu ly hôn với bà H và được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh chấp nhận.

Xét thấy, vợ chồng là phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau nhưng giữa hai vợ chồng ông T và bà H đã có mâu thuẫn phát sinh từ lâu, nay ông T yêu cầu ly hôn với bà H chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ gia đình là không thể. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận cho ông Dương Hữu T được ly hôn với bà Trần Thị Xuân H có cơ sở theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục cuộc sống chung và đồng ý ly hôn nên cấp phúc thẩm ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa đôi bên.

Con chung: Bà H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân cấp dưỡng nuôi hai con chưa thành niên, bà không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 cho một người con của ông T, xét tại phiên tòa phúc thẩm bà H và ông T thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi hai con chung, ông T đồng ý cấp dưỡng tiền sinh hoạt hàng tháng cho hai con là 15.000.000/tháng (7.500.000 đồng cho một người con) cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành. Ngoài ra, về tiền học của hai con chung ông T sẽ trực tiếp đóng hàng tháng cụ thể cháu Dương Trần Mỹ L tối thiểu 12.000.000/tháng ; cháu Dương Trần Hữu tối thiểu 6.000.000/tháng cho đến khi hai con lần lượt trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật không trái đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác nên chấp nhận sự thỏa thuận giữa đôi bên.

Riêng tiền trợ cấp cho người con Dương Trần Quỳnh H, sinh năm 1998 đã trưởng thành mỗi tháng 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Tại phiên tòa ông T đề nghị sẽ trợ cấp cho con bằng khoản tiền riêng của ông, không ảnh

hưởng đến khối tài sản chung của vợ chồng, ông không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét việc trợ cấp cho con đã thành niên của ông T là tự nguyện Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Ông T và bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Ông T và bà H tự khai không có nợ chung và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm : Ông T phải chịu

Án phí dân sự phúc thẩm : Bà H không phải chịu

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300 ; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng luật phí và lệ phí;

Áp dụng luật Thi hành án dân sự 2008.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1/ Về quan hệ hôn nhân: ông Dương Hữu T và bà Trần Thị Xuân H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2001 quyển số 01/2001 ngày 09/7/2001 của Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Dương Hữu T và bà Trần Thị Xuân H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Xuân H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con Dương Trần Mỹ L, (sinh ngày 16/02/2003) và Dương Trần Hữu P, (sinh ngày 12/10/2007). Ông T cấp dưỡng chi phí sinh hoạt cho mỗi người con 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng (7.500.000đ x 2 người con = 15.000.000đ (mười lăm triệu)/tháng), thực hiện từ ngày 15/8/2017 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Đồng thời, ông T cấp dưỡng chi phí học tập mức tối thiểu cho trẻ Dương Trần Mỹ Linh 12.000.000đ/tháng và Dương Trần Hữu P 6.000.000đ/tháng bằng cách tự thanh toán các chi phí học tập của hai con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T chưa thi hành thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Thực hiện tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Ông T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Bà H, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con nếu ông T không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và con chung: Ông T, bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Ông Dương Hữu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp tại biên lai số AA/2014/0008903 ngày 11/10/2016 của Chi cục Thi hành án quận Bình Thạnh. Ông T còn phải nộp thêm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Án phí hôn nhân phúc thẩm: Trả lại bà Trần Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002929 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- TAND quận Bình Thạnh;
- UBND quận Bình Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Thiên Hương